

Bản án số 08/2019/HNGĐ - ST
Ngày 16/9/2019
“*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mỹ Lệ và bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biễn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K– Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989; Có mặt.

Nơi cư trú: thôn H, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: chị Vũ Thị H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: thôn H, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Vũ Thị H tự nguyện chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2010 tại UBND xã I, huyện K. Sau khi kết hôn tôi và chị H về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ của tôi tại thôn H, xã I, huyện K. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, do vậy mâu thuẫn ngày một trầm trọng và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân

này. Vì vậy, nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Vũ Thị H trước pháp luật.

Về con: Tôi và chị Vũ Thị H có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng để cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Khánh T, Nguyễn Việt Đ và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bị đơn chị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* tôi và anh M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng từ năm 2006. Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/12/2010 tại UBND xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Anh M hiện không còn yêu thương tôi nữa, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bản thân tôi cũng không còn tình cảm với anh M, nhưng vì các con nhỏ nên tôi cố gắng chịu đựng. Nhưng nếu anh M cương quyết bỏ vợ con để đi theo người phụ nữ khác thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Tôi và anh M có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016. Hiện tại tôi sức khỏe không tốt nên khả năng lao động không thể đảm bảo lo cho các con nên tôi đề nghị giao cho anh M nuôi 02 con là Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Khánh T. Trong trường hợp anh M không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con được thì tôi nhận trực tiếp nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con x 03 con = 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Tôi đồng ý với quan điểm của anh M là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh M và chị H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 15/12/2010 và đã có 03 con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, không còn yêu thương chăm sóc nhau và anh M, chị H đã sống ly thân từ năm 2018, nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh M được ly hôn với chị H là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về con*: Anh M và chị H có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016. Tại biên bản lấy lời khai thì chị H có quan điểm đề nghị giao cho anh M nuôi 02 con là Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Khánh T. Trong trường hợp anh M không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con được thì chị H nhận trực tiếp nuôi cả 03 con chung. Còn tại phiên tòa chị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm nhận nuôi 03 con chung, đồng thời cháu T và T có nguyện vọng được ở với chị H. Nên đề nghị HĐXX giao 03 con chung của chị H và anh M cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con x 03 con = 3.000.000 đồng. Nhưng tại đơn xét xử vắng mặt chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nữa nên đề nghị HĐXX chấp nhận quan điểm này của chị H.

- *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Anh M phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M và bị đơn chị Nguyễn Thị H cùng có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về hôn nhân*: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào năm 2006, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/12/2010 và đã có 03 con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh M và chị H hiện tại không còn chung sống với nhau từ năm 2018.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh M và chị H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn M là chính đáng và có cơ sở. Do đó, HĐXX quyết định cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Vũ Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con*: anh Minh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm là giao cho anh M nuôi 02 con là Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Khánh T, chị H nuôi con Nguyễn Việt Đ. Tuy nhiên, chị H không tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án để thỏa thuận về việc nuôi con với anh M. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006 và Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010 (là con từ 07 tuổi trở lên) thì các cháu T và T có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. Ngoài ra vào ngày 14/9/2019 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án ngày 16/9/2019 có quan điểm nhận nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa thì anh M cũng đồng ý quan điểm này của chị H. Nên HĐXX thấy cần thiết giao con là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H có quan điểm nếu phải nuôi 03 con thì yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/con/tháng x 03 con = 3.000.000 đồng. Tuy nhiên tại đơn xin xử vắng mặt ngày 14/9/2019 gửi cho Tòa án vào ngày 16/9/2019 thì chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy quan điểm này thể hiện ý chí tự nguyện của chị H nên chấp nhận.

[6] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí*: Anh M phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Vũ Thị H trước pháp luật.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 03/10/2010, Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Vũ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Nguyễn Văn M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Vũ Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006090 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Văn M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2019), còn bị đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn